TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2023/KDTM-ST. Ngày: 27-7-2023. V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh

Ông Lương Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2023/TLST-KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 28/QĐST-KDTM ngày 03/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm T; địa chỉ trụ sở: Số 01/24, tổ 24, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn Th – Giám đốc. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV S; địa chỉ: Thửa đất số 25, 26, tờ bản đồ số 19, ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Liễu – Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Đỗ Văn Thtrình bày:*

Công ty TNHH MTV S là một khách hàng của Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm T. Hai công ty đã nhiều lần thực hiện giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty S đặt hàng và Công ty T đã giao hàng đầy đủ. Tuy nhiên, hai bên Công

ty không có ký kết hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận miệng, giao dịch qua hình thức Zalo, điện thoại.

Từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2022 Công ty S còn thiếu Công ty T số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 26/02/2022 số tiền 13.176.000 đồng (đã có VAT) theo Hóa đơn số 1417;

- Ngày 31/3/2022 số tiền 6.588.000 đồng (đã có VAT) theo Hóa đơn số 1562;

- Ngày 27/5/2022 số tiền 13.176.000 đồng (đã có VAT) theo Hóa đơn số 10.

Tổng số tiền là 32.940.000 đồng.

Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty S trả nợ nhưng Công ty S không thanh toán. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV S phải trả cho Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm T số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 32.940.000 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh. Ngoài ra phía nguyên đơn không còn yêu cầu gì.

* Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Nguyễn Thị Liễu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Toà án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa:

- N*gười đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV S phải trả cho Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm T số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 32.940.000 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh trên số tiền yêu cầu.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị đơn*: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu ầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng hóa còn thiếu. Đây là loại tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại đều vì mục đích lợi nhuận giữa hai chủ thể có đăng ký kinh doanh. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là Công ty TNHH MTV S, có trụ sở tại: Thửa đất số 25, 26, tờ bản đồ số 19, ấp D, xã A, thị xã B, tỉnh B. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B có thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án.

Theo Công văn số 535/CV- ĐKKD ngày 19/6/2023 của Phòng Đăng ký kinh danh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV S là bà Nguyễn Thị L, có chỗ ở hiện tại: Số nhà 24, đường N7, tổ 6, khu 4, khu dân cư P, phường P, thành phố T, tỉnh B. Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ Công ty và địa chỉ chỗ ở tại: Số nhà 24, đường N7, tổ 6, khu 4, khu dân cư P, phường P, thành phố T, tỉnh B là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị đơn: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Toà án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bà L cũng không có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Công ty T trình bày do có mối quan hệ làm ăn là bán xốp hơi cho Công ty S từ trước tháng 2/2022 nên khi Công ty S có nhu cầu mua hàng thì hai bên liên hệ qua mạng xã hội Zalo để nhận đơn hàng và giao nhận hàng. Nhân viên của Công ty S sẽ đặt hàng qua mạng Zalo, Công ty T nhận đơn hàng và giao hàng trực tiếp tại Công ty S. Sau khi giao hàng thì khoảng 1-3 ngày Công ty T sẽ xuất hóa đơn cho Công ty S. Sau đó trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn họ sẽ thanh toán tiền cho Công ty T thông qua chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty T. Tuy nhiên bắt đầu từ các hóa đơn tháng 02/2022 thì Công ty S không thanh toán đúng hạn nữa. Công ty T có liên hệ yêu cầu thanh toán nhưng nhân viên Công ty S nói đang làm thủ tục thanh toán. Theo hóa đơn GTGT số 0001417 ngày 26/02/2022 thì Công ty T bán cho Công ty S 20 cuộn xốp hơi với giá 610.000 đồng/cuộn, tổng giá trị là 12.200.000 đồng, 8% thuế VAT là 976.000 đồng. Theo hóa đơn GTGT số thì Công ty T bán cho Công ty S 10 cuộn xốp hơi với giá 610.000 đồng/cuộn, tổng giá trị là 6.100.000 đồng, 8% thuế VAT là 488.000 đồng. Theo hóa đơn GTGT thì Công ty T bán cho Công ty S 20 cuộn xốp hơi với giá 610.000 đồng/cuộn, tổng giá trị là 12.200.000 đồng, 8% thuế VAT là 976.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp hình chụp phiếu giao nhận hàng số SJ220225001 ngày 25/02/2022 và số SJ220405003 ngày 05/4/2022, hình chụp tin nhắn trao đổi đặt hàng ngày 17/5/2022; phiếu giao hàng văn phòng phẩm ngày 31/3/2022; phiếu giao hàng văn phòng phẩm tháng 2/2022

ngày 26/02/2022 để chứng minh cho các hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên. Ngoài ra nguyên đơn còn cung cấp các phiếu giao hàng và bản in chứng từ thanh toán ngân hàng làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 về hình thức hợp đồng mua bán hàng hoá xác định:

"1. Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.

2. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hoá mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó."

Do đó, việc mua bán hàng hoá giữa các bên trong trường hợp này phù hợp quy định pháp luật về hình thức của hợp đồng mua bán hàng hoá. Việc mua bán hàng hoá giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001417 xuất ngày 26/02/2022, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001462 ngày 31/3/2022 và Hóa đơn giá trị gia tăng số số 10 ngày 27/5/2022 có cơ sở để xác định những nội dung ghi nhận trong các Hóa đơn giá trị gia tăng này, đồng thời bên bán đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp hàng hóa và phát sinh trách nhiệm thanh toán của bên mua. Việc khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán giá trị hàng hóa còn thiếu theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001417 xuất ngày 26/02/2022, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001462 ngày 31/3/2022 và Hóa đơn giá trị gia tăng số số 10 ngày 27/5/2022 của Công ty Thành Phát là có căn cứ. Do đó, việc khởi kiện yêu cầu Công ty S phải thanh toán giá trị hàng hóa còn thiếu theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001417 xuất ngày 26/02/2022, Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001462 ngày 31/3/2022 và Hóa đơn giá trị gia tăng số số 10 ngày 27/5/2022 của Công ty T là có căn cứ. Công ty Thành Phát chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc mà không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 357 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm T đối với bị đơn Công ty TNHH MTV S về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV S có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm T số tiền 32.940.000 đồng (ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH MTV S phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Văn phòng phẩm T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0001836 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Văn Thị Thanh Trúc